

**thYeTÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP  
CAO TẠI HÀ NỘI**

Bản án số: 54/2021/HC-PT

Ngày: 23/02/2021.

*V/v: khiếu kiện Quyết định hành chính  
trong lĩnh vực đất đai.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Vân Hương;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tất Nam;

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

**- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 469/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2020/HC-ST ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 674/2021/QĐPT-HC ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1957, HKTT: Thôn X, xã Z, huyện Y, thành phố Hà Nội.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn T, sinh năm 1968; Trú quán: Thôn R, xã P, thị xã T, tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:** Luật sư Phạm Thị Q, Công ty Luật TN, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**2. Người bị kiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Q, Phó chủ tịch; có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, Chuyên viên Phòng T nguyên – Môi trường huyện Y; có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã Z, huyện Y, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958; nơi cư trú: Xóm M, thôn X, xã Z, huyện Y, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại Quyết định số 935/QĐ-UBND Ngày 02/4/2014 UBND huyện Y giải quyết tranh chấp đất đai với nội dung: Việc ông Nguyễn Văn A đề nghị bà Nguyễn Thị B trả lại quyền sử dụng 532 m<sup>2</sup> đất tại thửa số 37, tờ bản đồ số 4 (đo đạc năm 1993) xã Z, huyện Y, thành phố Hà Nội là không có căn cứ. Ngày 01/12/2014, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6351/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn A có nội dung đồng ý với Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 của UBND huyện Y.

*Ngày 16/6/2015, ông Nguyễn Văn A khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 6351/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.*

Lý do người khởi kiện đưa ra là: Năm 1965, gia đình ông gồm cụ Bùi Thị H (mẹ) cùng 3 con là Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Bình (tức B) và ông (Nguyễn Văn A) đi khai hoang vùng kinh tế mới, được Hợp tác xã nông nghiệp thôn X giao cho 2 thửa đất với tổng diện tích 1.080 m<sup>2</sup>, gia đình sử dụng 1 thửa để trồng lúa và 1 thửa để làm nhà ở, trồng cây. Sau khi được cấp đất, gia đình sử dụng đất liên tục đến năm 1980 cụ H chết, con gái là bà Bình tiếp tục canh tác, đến năm 1987, đội sản xuất nông nghiệp số 15, thôn X lấy thửa đất nông nghiệp của gia đình để giao cho gia đình bà Nguyễn Thị B sử dụng. Ông Nguyễn Văn A không đồng ý, đã nhiều lần đề nghị trả đất cho ông (bằng lời nói) nhưng UBND xã Z không giải quyết. Năm 1995 - 1996, gia đình bà Nguyễn Thị B xây dựng nhà ở trên đất. Năm 2003, ông Nguyễn Văn A chính thức có đơn đòi lại đất đã bị chiếm dụng không đúng pháp luật. UBND huyện Y giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông với bà B, xác định Hợp tác xã thôn X đã chuyển quyền sử dụng diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông về xứ đồng Q và giao lại đất thửa đất nông nghiệp cụ Bùi Thị H cho gia đình cụ Vũ Văn T (bố chồng bà Nguyễn Thị B), không xác định đất tranh chấp là của gia đình ông, là không đúng.

Ngoài yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hủy Quyết định số 6351/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại, ông Nguyễn Văn A không đề nghị xem xét quyết định hành chính khác.

*Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A:*

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn A đối với Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 của UBND huyện Y, UBND thành phố Hà Nội đã giao cho Sở T nguyên & Môi trường cùng Thanh tra thành phố Hà Nội thẩm tra, xác

minh, đã có kết luận: Thừa đất số 37 gia đình bà Nguyễn Thị B đang sử dụng có nguồn gốc của cụ Vũ Văn T chia cho vợ chồng con trai là ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị B từ năm 1987. Hội đồng tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai của xã Z đã làm rõ: Khoảng năm 1965, Hợp tác xã nông nghiệp X có giao cho hộ cụ Bùi Thị H 120 m<sup>2</sup> đất sản xuất nông nghiệp nhưng đến năm 1987 đã chuyển đổi đất của gia đình cụ Bùi Thị H về xứ đồng Q và giao diện tích 120 m<sup>2</sup> đất trước đây của gia đình cụ Bùi Thị H cho gia đình cụ Vũ Văn T sử dụng (cùng với diện tích liền kề cụ T được giao trước đó); năm 1987, cụ Vũ Văn T chia đất cho 2 con làm nhà ở và ông Vũ Văn X, bà Nguyễn Thị B được chia 1 phần hình thành thửa đất số 37 nêu trên; con trai thứ hai là ông Vũ Văn Minh được chia phần đất còn lại (đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Gia đình bà Nguyễn Thị B quản lý, sử dụng và nộp thuế sử dụng thửa đất số 37 ổn định từ đó đến nay. Ông Nguyễn Văn A không cung cấp được giấy tờ kê khai, sử dụng thửa đất số 37 nêu trên và thừa nhận khoảng năm 1984, ông đi khỏi địa phương nên nhờ chị gái là bà Nguyễn Thị Bình trông nom nhà đất nhưng cũng không cung cấp được T liệu chứng minh.

Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị B xảy ra từ lâu, UBND xã Z đã thành lập Hội đồng tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai và tổ chức hòa giải nhưng không thành. UBND huyện Y đã xác minh nguồn gốc và quá trình kê khai sử dụng đất để không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn A đòi quyền sử dụng thửa đất số 37 do gia đình bà Nguyễn Thị B đang quản lý, sử dụng là có cơ sở. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 6351/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 đồng ý với Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 của UBND huyện Y là đúng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B trình bày:* Năm 1965, bố chồng bà là ông Vũ Văn T được Hợp tác xã X cấp đất ở, gia đình đã làm nhà và sống ổn định. Năm 1987 ông T chia đất cho hai con trai: Ông Vũ Văn X (chồng bà B) được 523m<sup>2</sup>, ông Vũ Văn M được 541m<sup>2</sup>. Năm 1987 vợ chồng bà xây 5 gian nhà cấp 4 lợp ngói và sinh sống ổn định. Từ khi sử dụng đến nay gia đình bà thực hiện việc đóng thuế đầy đủ với Nhà nước. Bà B cho rằng đất do Hợp tác xã X cấp cho gia đình cụ T, không phải đất của ông A nên ông cho rằng gia đình bà lấn chiếm và đòi đất là không có cơ sở; UBND thành phố đã ban hành quyết định 6351/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 là đúng pháp luật. Hiện tại, có 2 hộ gia đình đang ở ổn định trên đất là hộ gia đình do bà Nguyễn Thị B chủ hộ cùng thành viên là cụ Nguyễn Thị T, vợ chồng con trai là Vũ Văn H, Nguyễn Thị T cùng 2 cháu là Vũ Th, Vũ T Khang; hộ gia đình con trai Vũ Văn C là chủ hộ, vợ là Đào Thị H cùng con là Vũ D và Vũ H. Theo bà B, ông Nguyễn Văn A bỏ địa phương đi từ 1982 đến 2003 mới về. Chính quyền địa phương cũng đã cấp cho ông Nguyễn Văn A 240 m<sup>2</sup> đất rau xanh, 240 m<sup>2</sup> đất ruộng và 240 m<sup>2</sup> đất ở tại khu vực đội 15, xóm Mới, thôn X, xã Z, huyện Y, thành phố Hà Nội nên việc ông Nguyễn Văn A đòi quyền sử dụng thửa đất số 37 không có cơ sở pháp luật.

*Đại diện UBND huyện Y và đại diện UBND xã Z trình bày:* Căn cứ đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai của ông Nguyễn Văn A, trên cơ sở báo cáo số 43/BC-TNMT ngày 31/12/2014 của phòng T nguyên - Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 2/4/2014 về việc giải quyết

tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Văn A với bà Nguyễn Thị B, theo đó đã nêu rõ: Việc ông A đề nghị bà B trả lại thửa đất tại thôn X, xã Z được thể hiện trên bản đồ địa chính là thửa đất số 37, diện tích 523m<sup>2</sup>, đo đạc năm 1993, tỷ lệ 1/1000 hiện do gia đình bà Nguyễn Thị B đang sử dụng là không có căn cứ. UBND huyện Y đã giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông A và bà B theo đúng trình tự thủ tục quy định.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử sơ thẩm và quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A. Ông A kháng cáo. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 144/2017/HC-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm lại.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2020/HC-ST ngày 25/3/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

*Căn cứ điều 30, điểm a khoản 2 điều 116, điều 158; điểm a khoản 2 điều 193, các điều 194, 204, 206 Luật Tổ tụng hành chính;*

*Căn cứ Điều 135, Điều 136 Luật đất đai 2003; điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 203 Luật đất đai 2013, Luật tổ chức chính quyền địa phương*

*Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội*

*Xử: 1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A yêu cầu hủy Quyết định 6351/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết tranh chấp đất đai tại thôn X, xã Z, huyện Y.*

*2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn A không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả ông A 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04733 ngày 24/9/2015 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội*

Ngày 03/4/2020, ông Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông, hủy Quyết định số 6351/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội và hủy Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 của UBND huyện Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn A và người đại diện theo ủy quyền đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm trong trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm xác định cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; hoặc sửa bản án sơ thẩm, hủy các Quyết định hành chính trong trường hợp đã đủ căn cứ xác định đất tranh chấp là của gia đình ông A. Người khởi kiện cho rằng với các T liệu do ông A đã xuất trình về nguồn gốc đất của gia đình được giao và việc bà B không có giấy tờ gì về đất, lại sử dụng sau khi gia đình ông được giao đất, là đủ căn cứ xác định đất là của gia đình ông nên việc UBND các cấp giải quyết tranh chấp và giải quyết khiếu nại, đều không đúng.

Bà Nguyễn Thị B giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kháng cáo của ông Nguyễn Văn A: Theo người khởi kiện thì hộ gia đình cụ H được giao đất chia làm 2 thửa, trong đó thửa đất ông A tranh chấp với bà B gia đình cụ H được giao và sử dụng trồng lúa, đến năm 1987 đã không sử dụng nữa. Ông A không cung cấp được bất cứ giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất theo quy định. Do đó, chủ tịch UBND huyện Y giải quyết không xác định đất tranh chấp là của ông A, là đúng quy định nên Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại đồng ý với nội dung UBND huyện Y đã giải quyết, là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn A, áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của đương sự; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết đơn khởi kiện ngày 26/7/2015 của ông Nguyễn Văn A yêu cầu hủy Quyết định số 6351/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội (giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn A, có nội dung đồng ý với Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 của UBND huyện Y giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị B tại thôn X, xã Z, huyện Y) là đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 203, Điều 204 Luật đất đai 2013 và Điều 30, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính; đã xác định đúng và đầy đủ người tham gia tố tụng.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn A:

[2.1] Sau khi nhận đơn khiếu kiện của ông A, Chủ tịch UBND huyện Y đã giao Phó Chủ tịch UBND huyện thực hiện quy trình giải quyết tranh chấp; giao UBND xã Z và cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Y thụ lý và tiến hành các thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định. Kết thúc quy trình, Phó Chủ tịch UBND huyện Y ký Quyết định thay mặt Chủ tịch UBND nhưng ghi là quyết định của UBND huyện, chỉ là vi phạm thể thức trình bày nhưng không vi phạm về thẩm quyền như kháng cáo nêu.

[2.2] Về trình tự, thủ tục:

UBND xã Z đã thành lập Hội đồng tư vấn giải quyết tranh chấp đất và ngày 4/11/2013 Hội đồng hòa giải đã tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai nhưng không thành. Hội đồng tư vấn do UBND xã Z đã tổ chức Hội nghị họp và có kết luận. Căn cứ kết luận, Chủ tịch UBND huyện Y đã có Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 giải quyết tranh chấp đất đai, là đã thực hiện đúng quy định tại Điều 135 Luật đất đai 2003 và Điều 161 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Sau khi nhận được khiếu nại của ông Nguyễn Văn A đối với Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 của UBND huyện Y, UBND thành phố Hà Nội

đã thụ lý đơn khiếu nại, giao cho cơ quan chuyên môn để xác minh, lập hồ sơ giải quyết khiếu nại. Sau khi thu thập hồ sơ phục vụ xem xét khiếu nại, Sở T nguyên & Môi trường thành phố Hà Nội có văn bản số 1670/BC-STNMT-TTr ngày 20/8/2014 trình UBND thành phố Hà Nội và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định 6351/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 36 và Điều 38 Luật khiếu nại năm 2011.

### [2.3] Về nội dung:

#### [2.3.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Nguồn gốc đất, thời điểm giao, diện tích giao, về có hay không có đổi đất cũng như và quá trình sử dụng đất, ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị B khai khác nhau. Quá trình giải quyết tranh chấp, đương sự và UBND xã UBND huyện đều không có T liệu gì về hồ sơ giao đất, đổi đất, hồ sơ địa chính trước 1987 mà chỉ có ý kiến trình bày của các bên liên quan.

Ông Nguyễn Văn A không xuất trình được giấy tờ theo quy định về việc đã được giao đất và đất được giao tại vị trí tranh chấp. Ông chỉ có đơn do ông viết có xác nhận của một số người dân cũng như một số cán bộ cùng địa phương ở các thời kỳ xác nhận diện tích đất của hộ gia đình cụ Bùi Thị H được cấp khi đến làm kinh tế mới; đơn có UBND xã Z xác nhận chữ ký của những người đã xác nhận đơn cho ông Nguyễn Văn A, không xác nhận nội dung trình bày trong đơn.

[2.3.2] Ông A cũng không có giấy tờ chứng minh phần đất tranh chấp với bà B, hộ cụ H được cấp làm nhà ở và đã sử dụng để ở. Bản thân ông A (tại lời khai ngày 30/8/2013- bl 10; bl 70, 94) và chị gái là bà Bình (bl 82), đều khai 1080m<sup>2</sup> đất cụ H được giao và gia đình đã sử dụng trước năm 1985 gồm 2 phần ở vị trí khác nhau, gồm đất ở và đất nông nghiệp; phần đất ở làm nhà nay tranh chấp với ông Tiết (ông Tiết đã được cấp GCNQSD đất); đất nông nghiệp sau này tranh chấp với bà B là đất giao thêm cho đủ 3 sào nhưng gia đình chỉ trồng lúa, không xây dựng gì. Lời khai bà Bình khi UBND xác minh, bà cũng xác nhận ông A không có giấy tờ gì giao bà trông nom đất nông nghiệp ở vị trí nay tranh chấp với bà B và 1985-1986 do không sử dụng nên HTX rút đất nông nghiệp và giao lại cho bà B. Ông A cũng thừa nhận gia đình còn đất nông nghiệp hiện đang sử dụng không tranh chấp (bút lục số 30 đơn khởi kiện); tại văn bản trình bày ý kiến ngày 24/3/2017 (bút lục số 220), đại diện UBND xã Z cũng xác nhận năm 2011 thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp đã để lại cho ông A 240m<sup>2</sup> đất.

[2.3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A cũng xác nhận phần đất tranh chấp với bà B, gia đình cụ H chỉ sử dụng trồng lúa.

Trong khi đó, hộ gia đình bà Nguyễn Thị B đã sử dụng đất ổn định, được địa phương xác nhận về nguồn gốc được cấp và đã trực tiếp sử dụng, đăng ký kê khai, nộp thuế sử dụng đất ổn định và hình thành nên sổ thửa 37, tờ bản đồ số 4 đo đạc năm 1993.

Do đó, ngay cả trong trường hợp cụ H (mẹ ông A) được giao đất sử dụng trồng lúa thì hộ gia đình đã không trực tiếp canh tác nhiều năm; đất đã giao cho người khác sử dụng, thì theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật đất đai 1987

(khoản 3 Điều 26 Luật đất đai 1993,...), Nhà nước thu hồi đất nếu người sử dụng đất không sử dụng 6-12 tháng; Quyết định số 13/HĐBT ngày 01/2/1989 của Hội đồng bộ trưởng giải quyết các vấn đề cấp bách về ruộng đất không thừa nhận việc đòi lại ruộng đất đã giao cho người khác. Ông Nguyễn Văn A cho rằng cho rằng đã khiếu nại đòi đất bà B sử dụng từ năm 1987 nhưng không có T liệu chứng minh.

[2.3.3] Theo quy định tại Điều 161 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 quy định căn cứ giải quyết tranh chấp đất đai trong trường hợp các bên tranh chấp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất thì một trong những căn cứ là ý kiến của Hội đồng tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai của UBND cấp xã mà cụ thể là phiên họp ngày 15/11/2013 của Hội đồng tư vấn UBND xã Z. Hội đồng tư vấn do UBND xã Z đã tổ chức Hội nghị họp và thống nhất kết luận: Khoảng năm 1965, Hợp tác xã thôn X giao cho cụ Bùi Thị H 120m<sup>2</sup> đất sản xuất nông nghiệp. Năm 1970, Hợp tác xã giao cho ông Vũ Văn T mảnh đất diện tích 3 sào (1080m<sup>2</sup>). Đến năm 1987, Hợp tác xã nông nghiệp X đã chuyển đổi đất của gia đình cụ Bùi Thị H về xứ đồng Q và giao diện tích 120 m<sup>2</sup> đất này cho gia đình cụ Nguyễn Văn T sử dụng với đất liền kề được giao trước đó...Bà B thừa nhận có việc Hợp tác xã X chuyển đổi 120m<sup>2</sup> đất của cụ Bùi Thị H ra Xứ đồng Q và giao cho ông Vũ Văn T diện tích đất này, cộng với diện tích 3 sào đất ông T được giao trước đó để hình thành 2 thửa đất số 36,37 tờ bản đồ số 4 đo năm 1993. Sau khi được giao thêm 120m<sup>2</sup> đất ông T chia cho các con sử dụng liên tục ổn định đến nay và đóng thuế đầy đủ.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện Y căn cứ vào luật Đất đai 2003 và Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ đã giải quyết không chấp nhận yêu cầu đòi đất của ông Nguyễn Văn A là có căn cứ; Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định 6351/QĐ-UBND ngày 01/12/2014, theo đó đồng ý với Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 của UBND huyện Y về giải quyết tranh chấp đất đai đúng quy định của pháp luật không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A, là có cơ sở.

[3] Ông Nguyễn Văn A kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ T liệu chứng minh cho yêu cầu của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ để giải quyết vụ án và không có vi phạm thủ tục tố tụng, nên cũng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo về việc hủy bản án sơ thẩm.

[4] Ông Nguyễn Văn A được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2020/HC-ST

ngày 25/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn A.
3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/2/2021.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THA TP Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phan Thị Vân Hương**